

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số *4012*/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển đảo;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 492/TTr-SXD ngày 16/11/2016 “V/v đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR) tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu: Gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích tự nhiên khoảng 6.102,3 km².

- Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch: Gồm toàn bộ hệ thống quản lý chất thải rắn trên địa bàn các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung của tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế (các loại chất thải ngành than không nằm trong nội dung của quy hoạch này). Nghiên cứu quy hoạch vị trí đổ thải cho hoạt động nạo vét luồng lạch trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm quy hoạch:

- Quản lý tổng hợp chất thải rắn là một trong những ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, hướng tới phát triển đô thị bền vững.

- Quy hoạch quản lý chất thải rắn phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch phát triển khác.

- Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, lấy phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh và phân loại chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, xem chất thải là tài nguyên từ đó đưa ra giải pháp tổng thể trong quy hoạch xử lý chất thải bao gồm: Tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải xử lý.

- Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hoá, huy động tối đa mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn.

- Quản lý chất thải rắn không khép kín theo địa giới hành chính, đảm bảo sự tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, sự an toàn về xã hội và môi trường và tuân thủ theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

- Phần đầu tới năm 2030 đạt 100% các loại CTR phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Ninh, hạn chế khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp đến mức thấp nhất.

3. Mục tiêu quy hoạch:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Đảm bảo phát triển ổn định, bền vững của tỉnh Quảng Ninh thông qua giảm phát sinh chất thải, tăng cường tái chế, tái sử dụng có hiệu quả các loại chất thải đô thị.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, theo đó chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và hạn chế gây ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn nguy hại được quản lý và xử lý triệt để theo các phương thức phù hợp.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý tổng hợp chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường. Thiết lập các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, tài chính và nguồn nhân lực cho quản lý tổng hợp chất thải rắn.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020:

+ 95% chất thải sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý hợp vệ sinh, trong đó tái chế, tái sử dụng chiếm 75-80%.

+ 90% tổng lượng chất thải công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý an toàn đảm bảo môi trường, trong đó trên 75% được tái sử dụng và tái chế.

+ 80% chất thải rắn xây dựng được thu gom và xử lý, trong đó 50% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.

+ 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý an toàn đảm bảo môi trường.

+ 75% chất thải phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý, trong đó 50% được tái sử dụng và tái chế.

- Đến năm 2030:

+ 100% chất thải sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý hợp vệ sinh, trong đó tái chế, tái sử dụng chiếm 90%;

+ 100% chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý an toàn trong đó trên 75% được tái sử dụng và tái chế.

+ 95% chất thải rắn xây dựng được thu gom và xử lý, trong đó 60% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.

+ 100% bùn bể phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 50% của các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

+ 100% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Dự báo khối lượng chất thải rắn phát sinh:

- Đến năm 2020: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 640.000 tấn/năm, khối lượng CTR công nghiệp phát sinh khoảng 971.000 tấn/năm, khối lượng CTR y tế phát sinh khoảng 3.900 tấn/năm, khối lượng CTR xây dựng phát sinh khoảng 307.000 tấn/năm, khối lượng phân bùn bể tự hoại và bùn thải hệ thống thoát nước phát sinh khoảng 80.000 tấn/năm.

- Đến năm 2030: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 862.000 tấn/năm, khối lượng CTR công nghiệp phát sinh khoảng 1.585.000 tấn/năm, khối lượng CTR y tế phát sinh khoảng 4.550 tấn/năm, khối lượng CTR xây dựng phát sinh khoảng 211.000 tấn/năm, khối lượng phân bùn bể tự hoại và bùn thải hệ thống thoát nước phát sinh khoảng 100.000 tấn/năm.

- Đến năm 2050: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 1.331.000 tấn/năm, khối lượng CTR công nghiệp phát sinh khoảng 2.550.000 tấn/năm, khối lượng CTR y tế phát sinh khoảng 6.800 tấn/năm, khối lượng CTR xây dựng phát sinh khoảng 315.000 tấn/năm, khối lượng phân bùn bể tự hoại và bùn thải hệ thống thoát nước phát sinh khoảng 128.000 tấn/năm.

Tổng lượng chất thải rắn các loại phát sinh trên địa bàn tỉnh theo các giai đoạn (chi tiết tại Phụ lục 1).

4.2. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Vận chuyển trực tiếp: Các phương tiện thu gom cỡ nhỏ sẽ thu gom chất thải tại các khu vực và vận chuyển thẳng đến địa điểm đổ thải cuối cùng.

- Vận chuyển trung chuyển: Phương tiện thu gom cỡ nhỏ thu gom chất thải tại các khu vực và vận chuyển đến trạm trung chuyển. Ở trạm trung chuyển, chất thải được chuyển vào các container cỡ lớn nhờ thiết bị nén ép, container lại được vận chuyển đến địa điểm đổ thải cuối cùng bằng xe tải cỡ lớn.

- Tại các điểm dân cư nông thôn: Chất thải rắn được các tổ thu gom tiến hành thu gom hàng ngày hoặc cách ngày và được chuyển đến điểm tập kết của mỗi xã. Tại đây chất thải rắn sẽ được các xe chuyên dụng chuyển đến bãi chôn lấp chung của huyện hoặc trạm xử lý bằng công nghệ đốt.

b. Chất thải rắn công nghiệp:

- Việc thu gom tập trung các loại chất thải rắn công nghiệp được tiến hành theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn thu gom sơ cấp: chất thải rắn công nghiệp thu gom từ các công đoạn sản xuất của từng nhà máy được vận chuyển đến khu vực chứa chất thải của nhà máy, và phải đổ đúng vào các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp đã được chỉ định. Sau đó sau mỗi ca làm việc, mỗi ngày thì phải vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết của các nhà máy, cơ sở sản xuất đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển của các KCN/CCN trong đó chất thải rắn được phân loại tập trung một lần nữa cũng như xử lý cơ học.

+ Giai đoạn thu gom thứ cấp: Vận chuyển chất thải rắn từ các trạm trung chuyển đến khu vực xử lý sao cho mỗi loại chất thải rắn được vận chuyển đến một khu vực xử lý riêng.

- Vận chuyển, xử lý:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các KCN sẽ được xử lý chung với CTR sinh hoạt tại các khu xử lý chất thải của từng đô thị;

+ Chất thải công nghiệp nguy hại sẽ được thu gom vận chuyển đến khu xử lý chất thải công nghiệp được quy hoạch tại Trung tâm xử lý chất thải rắn Vũ Oai-Hòa Bình, huyện Hoàn Bô và khu xử lý Dương Huy, thành phố Cẩm Phả và các địa điểm xử lý được xây dựng trên địa bàn.

c. Chất thải rắn y tế:

Trong giai đoạn đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh sẽ áp dụng 02 mô hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại như sau:

- Mô hình xử lý theo cụm cơ sở y tế: Dự kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh sẽ chia thành các cụm xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm như sau:

+ Cụm xử lý 01: Các cơ sở y tế thuộc điểm xử lý Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển, bao gồm: Bệnh viện đa khoa Việt Nam - Thụy Điển, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Bãi Cháy, Trung tâm y tế thành phố Uông Bí và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế thị xã Đông Triều và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế huyện Hoành Bồ và các Trạm y tế trực thuộc.

+ Cụm xử lý 02: Các cơ sở y tế thuộc điểm xử lý Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả, bao gồm: Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe Tâm thần, Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả, Trung tâm y tế Hạ Long với 02 phòng khám đa khoa và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế Cẩm Phả và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế huyện Vân Đồn và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS.

+ Cụm xử lý 03: Các cơ sở y tế thuộc điểm xử lý Trung tâm y tế huyện Tiên Yên, bao gồm: Trung tâm y tế huyện Tiên Yên và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế huyện Bình Liêu và các Trạm y tế trực thuộc.

+ Cụm xử lý 04: Các cơ sở y tế thuộc điểm xử lý Trung tâm y tế huyện Hải Hà, bao gồm: Trung tâm y tế huyện Hải Hà và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế thành phố Móng Cái và các Trạm y tế trực thuộc, Trung tâm y tế huyện Đầm Hà và các Trạm y tế trực thuộc.

- Mô hình xử lý tập trung: Đối với chất thải rắn y tế cùng các loại chất thải rắn nguy hại khác (trừ chất thải rắn nguy hại lây nhiễm) được thu gom và tập trung lại để xử lý tại nhà máy xử lý rác tập trung tại Trung tâm xử lý chất thải rắn, trồng cây ăn quả, rau sạch chất lượng cao và công viên cây xanh tại 2 xã Vũ Oai và Hòa Bình, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

d. Chất thải rắn xây dựng:

Áp dụng 2 phương thức thu gom và vận chuyển chất thải rắn xây dựng: Các chủ đầu tư hay nhà thầu xây dựng tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại và vận chuyển chất thải rắn xây dựng hoặc công tác thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn xây dựng sẽ do các đơn vị chuyên trách đảm nhiệm.

Chất thải rắn xây dựng sau khi được phân loại, phần chất thải không thể thu hồi, tái chế sẽ được vận chuyển đến các bãi chôn lấp của các khu xử lý chất thải rắn thông thường.

đ. Phân bùn bể tự hoại và bùn thải hệ thống thoát nước:

Thiết bị thu gom phân bùn bể tự hoại bao gồm các xe hút chân không kết hợp với các xe hút chân không đẩy tay loại nhỏ nhằm tiếp cận các địa điểm nằm

trong các ngõ nhỏ để cung cấp dịch vụ thông hút đến tất cả các hộ gia đình.

Phân bùn bể tự hoại được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn có công nghệ ủ sinh học rác thải hữu cơ, việc bổ sung xử lý phối trộn rác thải hữu cơ với phân bùn bể tự hoại sẽ góp phần tăng chất lượng mùn hữu cơ để sử dụng cho cây trồng.

Bùn cặn từ hệ thống thoát nước và các trạm/nhà máy xử lý nước thải sau khi tách nước (làm khô) được vận chuyển đến các bãi chôn lấp trong các khu xử lý chất thải rắn của các đô thị.

e. Chất thải rắn vùng Vịnh và các xã đảo:

- Chất thải rắn vùng Vịnh:

+ Xã hội hoá hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn trên Vịnh tạo cơ chế thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch có năng lực tham gia đầu tư trang thiết bị, nhân lực vào công tác bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của khu dân cư và trên vùng biển thuộc Vịnh sẽ được thu gom và vận chuyển về xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn trên bờ.

- Quản lý chất thải rắn các xã đảo:

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu vực các xã đảo sẽ được thực hiện riêng cho từng đảo. Định hướng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã đảo đến năm 2030 là công nghệ đốt (quy mô công suất từ 500 ÷ 700 kg/giờ) kết hợp với chôn lấp hợp vệ sinh bùn thải và tro thải.

4.3. Quy hoạch vị trí các khu tiếp nhận và xử lý bùn nạo vét luồng giao thông thủy trên địa bàn tỉnh:

Các loại bùn nạo vét chủ yếu từ hai nguồn: Từ luồng lạch sông và từ nạo vét, duy tu luồng ra vào các cảng biển. Dự báo khối lượng bùn nạo vét hàng năm khoảng 8,5 triệu m³/năm, thành phần bùn nạo vét chủ yếu là cát hạt mịn.

Định hướng chung đến năm 2030:

- Đối với bùn thải nạo vét luồng lạch, hoạt động nạo vét này sẽ được nhiều thành phần kinh tế tư nhân tham gia đăng ký và tận thu theo hình thức xã hội hóa hoặc lưu chứa tạm thời tại khu xử lý gần nhất trước khi bán hoặc cho các khu vực dự án hạ tầng có nhu cầu tiếp nhận vật liệu từ hoạt động nạo vét để san lấp mặt bằng cùng với chất thải xây dựng.

- Đối với bùn thải nạo vét sát bờ, vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn thông thường tại địa phương gần nhất. Tận dụng các moong khai thác than lộ thiên sau khi ngừng khai thác để tiếp nhận bùn nạo vét.

- Đối với bùn nạo vét tại khu vực xa bờ, không có khả năng tái sử dụng, đưa đổ tạm thời ra khu vực đảo Long Châu (đến 2020).

4.4. Quy hoạch vị trí các khu xử lý chất thải rắn:

Việc lựa chọn vị trí các khu xử lý chất thải rắn cho các đô thị dựa trên quan điểm các khu xử lý chất thải rắn được lựa chọn theo hướng liên đô thị, với

các cấp độ phục vụ gồm: vùng tỉnh, vùng huyện, liên đô thị sao cho phạm vi phục vụ có sự liên kết giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh với nhau, không phân chia ranh giới hành chính.

Căn cứ vào các nguyên tắc lựa chọn vị trí và những định hướng quy hoạch khu xử lý của các đô thị trong tỉnh, quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn đô thị gồm 04 khu xử lý cấp liên đô thị tại Hoàn Bò, Uông Bí, Tiên Yên, Móng Cái; các khu xử lý cấp đô thị phục vụ cho các đô thị riêng lẻ và các khu xử lý cho các xã đảo trên địa bàn tỉnh.

Danh sách các khu xử lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh (chi tiết kèm theo Phụ lục 2).

4.5. Các loại hình công nghệ xử lý chất thải rắn:

a. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Phối hợp sử dụng các loại hình công nghệ xử lý chất thải rắn như sau:

- Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh: Áp dụng tại các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt của từng đô thị. Công nghệ này sẽ xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt không nguy hại và các thành phần bị thải loại từ các công nghệ xử lý khác (ủ sinh học, đốt, đóng rắn...).

- Công nghệ ủ sinh học: Áp dụng xử lý các thành phần hữu cơ trong chất thải rắn của đô thị. Dự kiến loại hình công nghệ này sẽ được đưa vào đầu tư tại các đô thị có khả năng sử dụng sản phẩm cho nông nghiệp địa phương như Đàm Hà, Ba Chẽ, Bình Liêu, Tiên Yên, Hải Hà, Quảng Yên..

- Công nghệ đốt chất thải sinh hoạt: Dự kiến loại hình công nghệ này sẽ được đưa vào đầu tư tại Khu xử lý tại 02 xã Vũ Oai và Hòa Bình, huyện Hoàn Bò; khu xử lý Khe Giàng, thành phố Uông Bí, áp dụng công nghệ đốt kết hợp tái chế, chôn lấp. Ưu tiên đầu tư công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng để phát điện.

b. Công nghệ xử lý chất thải rắn công nghiệp:

- Công nghệ đốt: Xử lý hầu hết các loại chất thải nguy hại.

- Công nghệ chôn lấp an toàn: Chôn lấp vĩnh viễn chất thải nguy hại (CTNH) sau khi được xử lý sơ bộ bằng cô đặc và đóng rắn.

- Các công nghệ phụ trợ: Phân loại và xử lý cơ học nhằm xử lý sơ bộ và tái chế chất thải rắn. Xử lý hóa - lý giảm thiểu khả năng nguy hại của chất thải đối với môi trường và thu hồi, tái chế một số loại chất thải rắn.

- Một số biện pháp xử lý kết hợp với tái chế có thể sử dụng:

+ Đồng xử lý trong lò nung xi măng.

+ Tái chế dầu thải.

+ Xử lý chất thải điện tử.

+ Phá dỡ, tái chế ắc quy chì thải.

c. Công nghệ xử lý chất thải y tế: